

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2025/KDTM-ST

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng*

Mua bán hàng hoá”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 35/2024/ TLST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST- KDTM ngày 25/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST - KDTM ngày 17/3/2025 và số 10/2025/QĐST – KDTM ngày 02/4/2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Công ty TNHH T1

Địa chỉ: Số F, đường T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Giám đốc

**Bị đơn:* Công ty TNHH Đ1

Địa chỉ trụ sở: Số A đường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Giao dịch văn phòng đại diện tại Bắc Giang, địa chỉ: Số A, đường T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thế T – Giám đốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty TNHH T1 trình bày:*

Công ty TNHH T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/11/HĐKT2023 ngày 01/11/2023 với Công ty TNHH Đ1 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ1) có văn phòng đại diện tại Bắc Giang, địa chỉ : Số A, đường T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thế T – Chức vụ : Giám đốc. Theo hợp đồng, hai bên thoả thuận: Công ty Đ1 bán cho Công ty T1 đất san lấp, khối lượng tạm tính là 60.000m³, đơn giá là 45.000đồng/1m³, giá cước vận chuyển, bốc xúc đất san lấp xuống tàu là 55.000đồng/1m³ (giá đã bao gồm VAT). Nguồn gốc đất san lấp do bên Công ty Đ1 lấy tại mỏ khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1105/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 do UBND tỉnh B cấp cho Công ty TNHH T2 Đạt khai thác khoáng sản, đất san lấp tại khu V, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đơn giá hai bên thoả thuận thay đổi theo từng thời điểm thì Công ty Đ1 sẽ thông báo cho Công ty T1 trước 15 ngày bằng văn bản.

Trong Hợp đồng có thoả thuận hiệu lực hợp đồng bắt đầu từ ngày ký, tức là ngày 01/11/2023. Tuy nhiên, hai bên chỉ giao dịch bằng miệng Công ty T1 chuyển trước tiền cọc cho Công ty Đ1 thì sẽ lấy hàng. Ngày 10/11/2023, Công ty T1 đã chuyển số tiền 499.990.000đồng vào tài khoản số 5589588888 tại Ngân hàng TMCP Q của Công ty Đ1, nội dung chuyển khoản “C canh dat tien mua dat theo hd 1.11.2023” (có nghĩa là Công ty T1 đặt tiền mua đất theo hợp đồng ngày 01/11/2023). Đồng thời cùng ngày, Công ty T1 đã liên hệ với Công ty Đ1 để lấy hàng. Tuy nhiên, Công ty T1 không thể lấy được đất san lấp vì lý do Công ty Đ1 68 không chở đất san lấp bàn giao cho Công ty T1 theo thoả thuận.

Sau đó, Công ty T1 đã nhiều lần liên hệ với Công ty Đ1 để trao đổi, tìm cách tháo gỡ nhưng Công ty Đ1 chỉ viện lý do là chưa lấy được đất san lấp từ bãi của Công ty T2 và Công ty T1 không thể gặp trực tiếp ông Bùi Thế T để hai bên ngồi lại giải quyết vấn đề.

Nay Công ty T1 yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ1 phải hoàn trả cho Công ty T1 số tiền cọc để thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký là 499.990.000đồng. Công ty T1 không yêu cầu phạt hợp đồng theo điều khoản đã thoả thuận. Công ty T1 xác

định hợp đồng kinh tế ký kết với Công ty Đ1 68 không liên quan đến Công ty T2. Công ty T2 Đ giao kết với Công ty Đ1 như thế nào là việc của hai công ty, Công ty T1 yêu cầu Công ty Đ1 có trách nhiệm thanh toán số tiền 499.990.000 đồng.

**Tại văn bản ý kiến, đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Đ1 trình bày:*

Công ty TNHH Đ1, có địa chỉ trụ sở chính tại số A, đường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh và văn phòng giao dịch tại số A, đường T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Giữa Công ty Đ1 và công ty T1 có ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/11/HĐKT2023 ngày 01/11/2023. Theo Hợp đồng, hai bên thoả thuận: Công ty Đ1 bán cho Công ty T1 đất san lấp, khối lượng tạm tính là 60.000m³, đơn giá là 45.000đồng/1m³, giá cước vận chuyển, bốc xúc đất san lấp xuống tàu là 55.000đồng/1m³ (giá đã bao gồm VAT). Nguồn gốc đất san lấp do bên Công ty Đ1 lấy tại mỏ khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1105/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 do UBND tỉnh B cấp cho Công ty TNHH T2 Đạt khai thác khoáng sản, đất san lấp tại khu V, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đơn giá hai bên thoả thuận thay đổi theo từng thời điểm thì Công ty Đ1 sẽ thông báo cho Công ty T1 trước 15 ngày bằng văn bản.

Sau khi ký kết Hợp đồng thì Công ty T1 đã chuyển số tiền đặt cọc mua đất là 499.990.000 đồng cho Công ty Đ1. Tuy nhiên, do bên Công ty T1 không lấy hàng chứ không phải do bên công ty Đ1 không cấp đất vì thủ tục về hợp đồng, hồ sơ Công ty Đ1 cũng đã hoàn thiện hết. Nay Công ty T1 không muốn thực hiện tiếp theo Hợp đồng mà yêu cầu Công ty Đ1 68 trả lại tiền thì Công ty Đ1 đồng ý. Công ty Đ1 đã trả cho Công ty T1 được 150.000.000 đồng vào ngày 08/3/2025. Số tiền còn lại 349.990.000 đồng Công ty Đ1 sẽ thu xếp để thanh toán nốt cho Công ty T1 chậm nhất đến ngày 30 tháng 8 năm 2025.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Công ty T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 150.000.000 đồng do bị đơn đã thực hiện thanh toán cho Công ty T1 vào ngày 08/3/2025. Đến nay yêu cầu Công ty Đ1 phải thanh toán số tiền còn lại là 349.990.000 đồng. Đối với số tiền lãi và tiền phạt hợp đồng Công ty T1 không yêu cầu.

Bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố văn bản ý kiến có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng với quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định (Vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử tại Tòa án).

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1.

Buộc Công ty TNHH Đ1 phải thanh toán trả Công ty TNHH T1 số tiền 349.999.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty TNHH T1 về việc yêu cầu Công ty TNHH Đ1 phải thanh toán trả số tiền 150.000.000 đồng.

3. Về án phí : Công ty TNHH Đ1 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty T1 yêu cầu Công ty Đ1 phải thanh toán trả số tiền 499.990.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế số 01/11/HĐKT2023 về việc mua bán đất san lấp. Việc giao kết Hợp đồng đều nhằm mục đích lợi nhuận và các bên đương sự đều có Giấy phép đăng ký kinh doanh nên cần xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, cụ thể “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá” quy định tại Điều 385 của Bộ luật Dân sự 2015, khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận P, thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên có văn phòng đại diện tại phường N, thành phố B và nơi giao kết Hợp đồng được thực hiện tại phường N, thành phố B nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Bị đơn đã được gửi và niêm yết triệu tập hợp lệ các văn bản Tổ tụng của Toà án nhưng không đến Toà án làm việc, không tham gia phiên toà nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án có thông báo thụ lý bổ sung số 01/TB-TLVA ngày 02/01/2025. Tuy nhiên, thông báo thụ lý bổ sung để xác định lại về địa chỉ trụ sở của Công ty TNHH Đ1. Việc trong thông báo thụ lý bổ sung xác định Công ty TNHH Đ1 có địa chỉ trụ sở tại số A, đường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không chính xác vì Công ty TNHH Đ1 đã được xác định là bị đơn trong vụ án. Do vậy, không cần thiết phải đưa Công ty TNHH Đ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án mà vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Đ1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 349.990.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập Hợp đồng kinh tế số 01/11/HĐKT2023 ngày 01/11/2023 về việc mua bán đất san lấp, nội dung: Công ty Đ1 bán cho Công ty T1 đất san lấp, khối lượng tạm tính là 60.000m³, đơn giá là 45.000đồng/1m³, giá cước vận chuyển, bốc xúc đất san lấp xuống tàu là 55.000đồng/1m³ (giá đã bao gồm VAT). Nguồn gốc đất san lấp do bên Công ty Đ1 lấy tại mỏ khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1105/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 do UBND tỉnh B cấp cho Công ty TNHH T2 Đạt khai thác khoáng sản, đất san lấp tại khu V, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đơn giá hai bên thoả thuận thay đổi theo từng thời điểm thì Công ty Đ1 sẽ thông báo cho Công ty T1 trước 15 ngày bằng văn bản. Sau khi ký kết Hợp đồng ngày 01/11/2023 thì ngày 10/11/2023, Công ty T1 đã chuyển tiền vào tài khoản V của Công ty Đ1, số tiền 499.990.000 đồng để đặt tiền mua đất theo Hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, Công ty T1 không thể lấy được đất san lấp vì lý do Công ty Đ1 68 không chở đất san lấp bàn giao cho Công ty T1 theo thoả thuận. Công ty T1 đã nhiều lần liên hệ nhưng Công ty Đ1 không hợp tác làm việc. Căn cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm Hợp đồng kinh tế, Giấy báo nợ của Ngân hàng TMCP C1 có đủ cơ sở để khẳng định việc Công ty T1 chuyển tiền cho Công ty Đ1 68 số tiền 499.990.000 đồng là có thật. Công ty Đ1 cũng đã thừa nhận nhận số tiền trên của Công ty T1.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ1 đã thanh toán trả Công ty T1 số tiền 150.000.000 đồng. Đến nay Công ty T1 xác nhận số tiền Công ty Đ1 còn nợ lại là 349.990.000 đồng và yêu cầu Công ty Đ1 phải thanh toán số tiền trên, Công ty Đ1 đồng ý thanh toán số tiền trên chậm nhất là ngày 30/8/2025 nhưng Công ty Đ1 không đến tham gia phiên toà. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền lãi và phí phạt chậm trả do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.3] Tại phiên toà, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 150.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên cần áp dụng Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ đối với số tiền 150.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 385; Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1: Buộc Công ty TNHH Đ1 có trách nhiệm thanh toán trả Công ty TNHH T1 số tiền 349.990.000 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải trả cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Đ1 phải chịu 17.499.500 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty TNHH T1 số tiền tạm ứng án phí 11.900.000 (mười một triệu chín trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0002160 ngày 22/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Quyên

